

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 10 - 3 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Ông Hoàng Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án Nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí M

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê TT, sinh năm 1966

Địa chỉ: NTH, Phường B2, Quận B, Thành phố Hồ Chí M

(Vắng mặt – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lâm TT, sinh năm 1974

Địa chỉ: KĐ, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí M

(Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn M

Địa chỉ: NTH, Phường B2, Quận B, Thành phố Hồ Chí M

(Vắng mặt – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê TT trình bày như sau:

Do có quan hệ quen biết từ trước, ngày 06/7/2022, bà Lê TT cho ông Lâm TT vay số tiền 3.120.000.000 đồng để mua đầu giá căn nhà tại địa chỉ số KĐ, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí M. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 06/7/2022 đến ngày 20/7/2022, khoản vay có tính lãi nhưng không thỏa thuận lãi suất cụ thể. Bà T đã giao đủ số tiền vay cho ông T2 và hai bên lập Giấy vay tiền để xác nhận giao dịch này.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ hợp đồng vay tài sản nêu trên, ông Lâm TT đã thế chấp cho bà Lê TT Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 00000, số vào sổ cấp GCN CH00000 ngày 09/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố TN, tỉnh TN cấp cho bà Lâm HN, địa chỉ HT, huyện HT, tỉnh TN. Ông T2 đã giao cho bà T bản chính Giấy chứng nhận này và bản sao Hợp đồng ủy quyền công chứng số 006468 ngày 13/5/2022 giữa ông T2 và bà Lâm HN. Ông T2 cam kết trong trường hợp đến hạn T2 toán, ông T2 không trả đủ nợ vay thì số tiền vay nêu trên được xem là tiền đặt cọc chuyển nhượng đối với diện tích đất thế chấp.

Hết thời hạn vay, ông Lâm TT không trả nợ gốc và T2 toán tiền lãi cho bà Lê TT như nội dung thỏa thuận. Bà T đã nhiều lần và bằng nhiều phương thức liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng ông T2 không thực hiện, cố tình né tránh. Ông T2 cũng không tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà T để cản trở khoản nợ như đã cam kết. Sự việc này đã gây ra cho bà T và gia đình rất nhiều khó khăn vì số tiền cho vay có được là do bà huy động từ nhiều nguồn khác nhau.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà Lê TT khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm TT thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ của Hợp đồng vay nêu trên, bao gồm: nợ gốc 3.120.000.000 đồng và nợ lãi (tạm tính đến ngày 27/9/2022 với mức lãi suất 10%/năm) là 71.933.000 đồng. Trường hợp ông T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, ông T2 phải có trách nhiệm ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà T quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ khu phố NL, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN theo Giấy chứng nhận số BV 00000, số vào sổ cấp GCN CH00000 ngày 09/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố TN, tỉnh TN cấp cho bà Lâm HN.

Tại đơn đề ngày 13/12/2022, bà Lê TT rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu buộc ông Lâm TT ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất nêu trên cho bà T.

Bị đơn ông Lâm TT đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ tham gia các phiên làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê VM trình bày như sau:

Ông Lê VM là chồng của bà Lê TT. Ông M xác nhận toàn bộ nội dung sự việc như trình bày của nguyên đơn. Quá trình vay mượn giữa bà T và ông T2 đều được vợ chồng ông bà bàn bạc, thống nhất và quyết định. Ông M đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê TT vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn ông Lâm TT vắng mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê VM vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ, đảm bảo thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng khác đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền của Tòa án và thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê TT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Lâm TT có địa chỉ cư trú tại KĐ, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí M. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân Quận B.

[1.2] Tại đơn đề ngày 13/12/2022, nguyên đơn bà Lê TT rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu buộc bị đơn ông Lâm TT ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số BV 00000, số vào sổ cấp GCN CH00000 ngày 09/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố TN, tỉnh TN cấp cho bà Lâm HN. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71, Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn.

[1.3] Nguyên đơn bà Lê TT, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê VM tại các đơn đề ngày 07/3/2023 và 20/12/2022 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông M .

Bị đơn ông Lâm TT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Căn cứ Giấy vay tiền ngày 06/7/2022, Bản thỏa thuận ngày 24/9/2022, lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định ông Lâm TT vay của bà Lê TT số tiền 3.120.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 06/7/2022 đến ngày 20/7/2022. Khoản vay này các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Bà T đã giao đủ số tiền vay, tuy nhiên hết thời hạn vay ông T2 vẫn chưa trả nợ gốc và T2 toán tiền lãi.

Sự thỏa thuận và ký kết nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể có đầy đủ năng lực và điều kiện để tham gia giao dịch, nội dung, hình thức và mục đích của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ quy định tại các điều 117, 385, 401 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê TT và ông Lâm TT là hợp pháp và được công nhận hiệu lực.

[2.2] Xét thấy, bị đơn ông Lâm TT đã nhận đầy đủ số tiền vay là 3.120.000.000 đồng, tuy nhiên đến hạn T2 toán vào ngày 20/7/2022 ông T2 không trả tiền cho bà T. Hành vi này của ông T2 là trái với thỏa thuận của hai bên được xác lập tại Hợp đồng, đồng thời vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 278, Điều 280 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Điều 280 của Bộ luật Dân sự quy định: “[1] Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. [2] Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc....”.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử đánh giá yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn bà Lê TT buộc bị đơn ông Lâm TT phải trả toàn bộ số nợ gốc của hợp đồng vay tài sản nêu trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Tại Điều 6 của Giấy vay tiền ngày 06/7/2022, bà T và ông T2 xác định tiền lãi cho vay do hai bên thỏa thuận tuy nhiên không xác định lãi suất cụ thể. Thực tế, cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông T2 vẫn chưa T2 toán tiền lãi cho bà T. Từ cơ sở này, Hội đồng xét xử xác định giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Nguyên đơn bà Lê TT yêu cầu bị đơn ông Lâm TT T2 toán tiền lãi đối với toàn bộ số dư nợ gốc từ ngày cho vay đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất được áp dụng là 10%/năm.

Mức lãi suất nêu trên đối với nợ gốc trong hạn (từ ngày 06/7/2022 đến ngày 20/7/2022) phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

Đối với nợ gốc quá hạn (từ ngày 21/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm), căn cứ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao, lãi suất được áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay và tối đa không vượt quá 150% mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà Lê TT yêu cầu áp dụng lãi suất 10%/năm đối với toàn bộ dư nợ gốc quá hạn là phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

Từ những cơ sở, căn cứ và nhận định nêu trên, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê TT về việc buộc bị đơn ông Lâm TT trả lãi cho toàn bộ khoản vay.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và toàn bộ yêu cầu còn lại của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lâm TT phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 278, 280, 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự,

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê TT về việc buộc bị đơn ông Lâm TT ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số BV 00000, sổ vào sổ cấp GCN CH00000 ngày 09 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố TN, tỉnh TN cấp cho bà Lâm HN.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê TT:

Ông Lâm TT có trách nhiệm trả cho bà Lê TT số tiền còn nợ của Hợp đồng vay tài sản ngày 06 tháng 7 năm 2022 là 3.330.564.384 đồng (Ba tỷ ba trăm ba mươi triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), bao gồm: Nợ gốc 3.120.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) và nợ lãi 210.564.384 đồng (Hai trăm mười triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng).

Ông Lâm TT phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành từ ngày 11 tháng 3 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Lâm TT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 98.611.288 đồng (Chín mươi tám triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Trả lại cho bà Lê TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.919.330 đồng (Bốn mươi bảy triệu chín trăm mười chín nghìn ba trăm ba mươi đồng) theo Biên lai thu tiền số 0007660 ngày 10 tháng 10 năm 2022 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0007703 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí M .

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Lê TT, ông Lâm TT và ông Lê VM được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hoa